

Số: 393 /QĐ-CĐBK

Bắc Kạn, ngày 31 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo ngành/nghề: Công nghệ ô tô
(sửa đổi, bổ sung), trình độ: Trung cấp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

Căn cứ Luật Giáo dục Nghề nghiệp số 74/2014;

Căn cứ Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô – đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ quyết định số 48/QĐ - CĐBK ngày 27 tháng 4 năm 2020 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn;

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng đào tạo;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành/nghề: Công nghệ ô tô, trình độ Trung cấp:

Tên nghề	Mã nghề	Khối lượng kiến thức toàn khóa học	Số tín chỉ
Công nghệ ô tô	5510216	1.665	70

(Kèm theo nội dung chương trình chi tiết)

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2021 – 2022 đối với các lớp tuyển sinh và đào tạo từ tháng 9 năm 2021 trở đi.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, khoa Cơ giới đường bộ và Trưởng các phòng, khoa liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*TL*

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- BGH;

- Như Điều 3 (t/h).

- Phòng Đào tạo: Nhãn, Diêu, Chung, Tùng; Ảnh;

Gửi bản giấy:

- Phòng Đào tạo: Nhãn 5 bản;

- Lưu: VT, ĐT. *TL*

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Tiến Long



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 393/QĐ-CĐBK ngày 31 tháng 8 năm 2021

của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn)

Tên nghề: Công nghệ ô tô

Mã nghề: 5510216

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy - Phương thức: Tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Đối tượng tuyển sinh: Người tốt nghiệp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông hoặc tương đương.

Thời gian đào tạo:

- Đối tượng tốt nghiệp Trung học cơ sở học song song chương trình Trung cấp và hệ giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông: 02 năm.

- Đối tượng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tốt nghiệp Trung học cơ sở nhưng không học hệ giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông: 1,5 năm.

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung.

Sau khi kết thúc khóa học người học có khả năng:

Trang bị kiến thức chuyên môn nghề, hiểu biết hoạt động của nghề và bảo dưỡng, sửa chữa ô tô; tiếp cận, ứng dụng các kỹ thuật, công nghệ vào bảo dưỡng, sửa chữa ô tô; có đạo đức, sức khỏe, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể.

1.2.1. Kiến thức.

- Mô tả cấu tạo và nguyên lý hoạt động các hệ thống, cơ cấu trên ô tô.
- Giải thích các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô.
- Phát hiện được hiện tượng, nguyên nhân hư hỏng của cơ cấu và các hệ thống trên ô tô.
- Nêu ra các phương pháp sửa chữa, giải quyết các tình huống hư hỏng của cơ cấu và các hệ thống trên ô tô.

- Trình bày được quy trình tháo, lắp, kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô.

- Có kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, an ninh quốc phòng và công nghệ thông tin, tiếng anh đáp ứng yêu cầu công việc.

1.2.2. Kỹ năng.

- Lựa chọn đúng và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ, thiết bị sửa chữa, kiểm tra trong nghề công nghệ ô tô.

- Tháo, lắp, kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa các cơ cấu và các hệ thống trong ô tô đúng quy trình kỹ thuật.

- Thực hiện được cơ bản công việc của nghề nguội, hàn, điện kỹ thuật phục vụ cho quá trình bảo dưỡng, sửa chữa ô tô;

- Chấp hành an toàn lao động và vệ sinh xưởng thực hành.

- Có năng lực tiếng anh bậc 1/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm.

- Chấp hành tổ chức kỷ luật và tác phong làm việc.

- Làm việc độc lập, chia sẻ kinh nghiệm hợp tác trong quá trình làm việc theo tổ, nhóm để nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.

- Trung thực, cẩn thận trong quá trình thực hiện công việc.

- Tiết kiệm, bảo vệ dụng cụ, thiết bị máy, bảo vệ môi trường và sức khỏe cá nhân cộng đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Người lao động kỹ thuật có trình độ Trung cấp có thể đảm đương các công việc ở các vị trí:

- thợ sửa chữa tại các cơ sở bảo dưỡng và sửa chữa ô tô.

- Nhân viên tư vấn dịch vụ tại các đại lý bán hàng và các trung tâm dịch vụ sau bán hàng của các hãng ô tô.

- Công nhân các nhà máy sản xuất phụ tùng và lắp ráp ô tô.

- Có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm; làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 30

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 1665 giờ; số tín chỉ: 70 tín chỉ.

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ; số tín chỉ: 12 tín chỉ.
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1110 giờ; số tín chỉ: 46 tín chỉ.
- Khối lượng lý thuyết: 418 giờ; Thực hành, thực tập, thảo luận: 889 giờ;

Kiểm tra: 58 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun tự chọn: 300 giờ; số tín chỉ: 12 tín chỉ.

3. Nội dung chương trình:

3.1. Nội dung chương trình môn học, mô đun bắt buộc.

Mã MH, MĐ	Tên mô đun, môn học	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
MH01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Tiếng anh	4	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	46	1110	324	741	45
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	12	225	129	84	12
MH 07	Vật liệu học	1	15	14	0	1
MH 08	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2	30	28	0	2
MH 09	Vẽ kỹ thuật	2	30	28	0	2
MH 10	An toàn lao động	1	15	14	0	1
MĐ 11	Điện tử cơ bản	2	45	15	28	2
MĐ 12	Thực hành Nguội cơ bản	2	45	15	28	2

MĐ 13	Thực hành Hàn cơ bản	2	45	15	28	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	34	885	195	657	33
MĐ 14	Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa	2	45	15	28	2
MĐ 15	Bảo dưỡng và sửa chữa cơ cấu trục khuỷu - thanh truyền và bộ phận cố định của động cơ	3	75	15	57	3
MĐ 16	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phân phối khí	3	75	15	57	3
MĐ 17	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát	2	45	15	28	2
MĐ 18	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng dùng bộ chế hòa khí	2	45	15	28	2
MĐ 19	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel	3	75	15	57	3
MĐ 20	Bảo dưỡng và sửa chữa trang bị điện ô tô	4	90	30	56	4
MĐ 21	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực	4	90	30	56	4
MĐ 22	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống di chuyển	2	45	15	28	2
MĐ 23	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống lái	2	45	15	28	2
MĐ 24	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh	2	45	15	28	2
MĐ 25	Thực tập tại cơ sở sản xuất	5	210	0	206	4
	Cộng/Tỷ lệ %	58	1365	418 (31%)	889 (65%)	58 (4%)
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	12	300	60	226	14
	Tổng cộng/Tỷ lệ %	70	1665	478 (29%)	1115 (67%)	72 (4%)

3.2. Nội dung chương trình mô đun tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên mô đun, môn học	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
MĐ 26	Thực hành mạch điện cơ bản	3	75	15	57	3
MĐ 27	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều hòa trên xe ô tô	2	45	15	28	2
MĐ 28	Bảo dưỡng và sửa chữa hộp số tự động ô tô	2	45	15	28	2
MĐ 29	Kiểm tra và sửa chữa Pan ô tô	3	75	15	57	3
MĐ 30	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô - xe máy	3	75	15	57	3
MĐ 31	Kỹ thuật lái xe ô tô	3	75	15	57	3
MĐ 32	Bảo dưỡng hệ thống phanh ABS	3	75	15	57	3
MĐ 33	Kiểm tra và hiệu chỉnh động cơ	3	75	15	57	3
MĐ 34	Kỹ thuật kiểm định ô tô	3	75	15	57	3
MĐ- KNS 1	Kỹ năng sống 1	1	30	0	28	2
MĐ- KNS 2	Kỹ năng sống 2	1	30	0	28	2
	Cộng	27	675	135	511	29

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình.

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ lao động - Thương binh và xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

- Chương trình môn học, mô đun đào tạo (*nội dung chi tiết có phụ lục kèm theo*). Trong quá trình thực hiện chương trình, căn cứ nhu cầu người học, nhu cầu thực tiễn tại địa phương, Doanh nghiệp và thực tiễn tình hình cơ sở vật chất

Nhà trường, sẽ tiến hành lựa chọn một trong các mô đun trong chương trình mô đun tự chọn với tổng số giờ là: 300 giờ.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Học tập nội quy quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho học sinh khi mới nhập trường;

- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các cơ sở sản xuất;

- Tham gia các hoạt động hỗ trợ khác để rèn luyện học sinh;

- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa có thể được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá như sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Tham quan thực tế (ngoại khóa)	01 lần/ năm học

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

- Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn học hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và các Quy định của nhà trường.

- Hình thức kiểm tra kết thúc môn học, mô đun: Viết, bài tập thực hành, vấn đáp, trắc nghiệm.

- Thời gian kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút

+ Thực hành: Không quá 08 giờ

- Thời gian kiểm tra thường xuyên, định kỳ các môn học, mô đun: Thời gian và nội dung cụ thể được qui định trong chương trình chi tiết của từng môn học, mô đun.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo từng ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp.

4.5. Các chú ý khác.

Bố trí thời gian học trong tuần:

- Lý thuyết: Tối đa 30 giờ/tuần

- Thực hành/tích hợp: Tối đa 40 giờ/tuần.

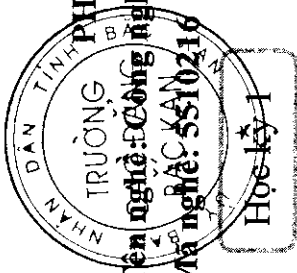
- Thực tập: Tối đa 40 giờ/tuần

- Có thể sử dụng một số mô đun đào tạo trong chương trình nêu trên để xây dựng chương trình trình độ sơ cấp (tùy theo nhu cầu của người học) nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ Trung cấp./.

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Tiến Long



PHỤ LỤC 04: SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Tên nghề: Công nghệ 6 tô
Mã nghề: 5510216

